

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/DS-PT  
Ngày: 01-3-2023  
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hui"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán:

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 485/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hui".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 105/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Bà Từ Thị H, sinh năm 1958;

2. Ông Nguyễn Hùng D, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông D:* Bà Võ Thị Minh T, sinh năm 1964 (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/8/2022) (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã C1, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Từ Thị H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

### *Theo án sơ thẩm;*

#### *\* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Bà là hội viên, có tham gia các dây hội do bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D làm chủ hội, cụ thể các dây hội như sau:

1. Dây hội khai ngày 02/02/2018 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 23 phần, bà tham gia 01 phần, dây hội này bà đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 15 lần với số tiền 15.000.000 đồng (ký hiệu dây hội 18D).

2. Dây hội khai ngày 06/9/2018 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 27 phần, bà tham gia 01 phần, dây hội này bà đã đóng hội sống cho bà H đầy đủ là 13 lần với số tiền 13.000.000 đồng (ký hiệu dây hội 25D).

3. Dây hội khai ngày 06/9/2018 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 25 phần, bà tham gia 01 phần, dây hội này bà đóng hội sống cho bà H được 13 lần với số tiền 13.000.000 đồng (ký hiệu dây hội 26D).

4. Dây hội khai ngày 15/10/2021 âm lịch, hội tháng 01 tháng khai 01 lần, hội có 26 phần, bà tham gia 01 phần, bà hót được 25.000.000 đồng, trừ 500.000 đồng tiền huê hồng cho chủ thảo, còn lại là 24.500.000 đồng (ký hiệu dây hội 14B).

5. Hội vụ ba 2021, bà có hót phần hội số 29C hội mùa, có 22 phần, bà tham gia 01 phần, đã hót được 42.000.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng tiền huê hồng cho chủ thảo còn lại 41.000.000 đồng.

Số tiền trong 02 dây hội số (4), (5) bà H còn thiếu bà số tiền là 13.700.000 đồng; còn đối với dây hội số (1), (2), (3) thì bà yêu cầu được trả số tiền vốn và lãi là 41.000.000 đồng, tổng cộng tiền nợ hội của 05 dây hội là 54.700.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Bị đơn bà Từ Thị H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Hùng D trình bày:*

Bà thừa nhận bà Đ có tham gia 05 dây hội trên như bà Đ trình bày. Cụ thể đối với từng dây hội như sau:

1. Dây hội khai ngày 02/02/2018 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 23 phần, bà Đ tham gia 01 phần, dây hội này bà Đ đã đóng tiền hội sống cho bà đầy đủ là 15 lần với số tiền hội vốn là 7.690.000 đồng (dây 18D).

2. Dây hội khai ngày 06/9/2018 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 23 phần, bà Đ có tham gia 01 phần, dây hội này bà Đ đóng hội sống cho bà được 13 lần với số tiền hội vốn là 6.910.000 đồng (dây 25D).

3. Dây hội khai ngày 06/9/2018 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 25 phần, bà Đ tham gia 01 phần, dây hội này bà Đ đóng hội sống cho bà được 13 lần với số tiền hội vốn là 6.930.000 đồng (dây 26D).

Đối với dây hui số (4) và (5) thì sau khi cân trừ nợ hui qua lại bà còn nợ bà Đ số tiền 13.700.000 đồng như bà Đ trình bày là đúng; còn dây hui (1), (2), (3) thì bà yêu cầu được trả tiền hui vốn là 21.530.000 đồng.

Nay vợ chồng bà đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền hui vốn của 03 dây hui (1), (2), (3) là 21.530.000 đồng và số tiền nợ hui của dây hui số (4) và (5) là 13.700.000 đồng, tổng cộng là 35.230.000 đồng, xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, yêu cầu được trả từ ngày 01/10/2022, thực hiện trả dần cho đến khi hết số tiền 35.230.000 đồng.

\* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ hui là 54.700.000 đồng (năm mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng). Thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

\* Ngày 20/9/2022, bị đơn bà Từ Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng cho bà được trả tiền hui vốn là 35.230.000 đồng, xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết 35.230.000 đồng.

#### ***Tại phiên tòa phúc thẩm;***

\* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về tố tụng: Bà Từ Thị H nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn bà Từ Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng cho bà được trả tiền hui vốn là 35.230.000 đồng, xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết 35.230.000 đồng.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và các bị đơn bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D thống nhất: Bà Đ tham gia 05 dây hui ký hiệu số 18D, 25D, 26D, 14B và 29C do bà H, ông D làm chủ thảo, đồng thời thống nhất số lần góp hui của bà Đ đối với 05 dây hui này; các dây hui đều là hui có lãi (góp hui sống được hưởng tiền hui chết); bà Từ Thị H cam kết chịu trách nhiệm đi gom tiền của các hui viên chưa hót hui (hui sống) và choàng tiền hui cho các hui viên chậm góp hui (hui chết) nếu những người này chậm thực hiện nghĩa vụ đóng hui để giao tiền cho hui viên hót hui và nhận tiền hoa hồng của dây hui theo thỏa thuận; số tiền nợ hui của dây hui ký hiệu 14B và 29C là 13.700.000 đồng. Đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Theo điểm b khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường thì các thành viên trong dây hui có nghĩa vụ trả lãi cho các thành viên chưa lĩnh hui khi được lĩnh hui. Như vậy, thực tế, tiền lãi mà các thành viên trong dây hui được nhận là do thành viên lĩnh hui trả, không phải do chủ thảo chi trả. Tuy nhiên, khi có thành viên không góp phần hui của họ khi đến kỳ mở hui thì trách nhiệm của chủ thảo là nộp thay phần hui của thành viên này theo quy định tại khoản 4 Điều 18 và Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường.

Mặt khác, bà H và ông D thừa nhận các dây hui là hui có lãi, giữa ông bà và các hui viên có thỏa thuận “góp hui sống được hưởng tiền hui chết”. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/8/2022, bà H cũng thừa nhận bà có thỏa thuận với các hui viên là ai kêu hót được hui thì bà phải trả tiền hui vốn và tiền lãi cho người hót hui và người hót hui phải trả cho bà số tiền huê hồng, nay do bà bị nhiều người giật tiền hui nên không có khả năng trả vốn và lãi, bà có xin các hui viên cho bà được hoàn trả vốn, không trả lãi (bút lục 41).

Bà H cho rằng giữa bà và các các hui viên có thỏa thuận chỉ trả vốn nhưng không được phía bà Đ xác nhận, bà H cũng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét đề nghị trả vốn của bà H.

Bà H và ông D tổ chức các dây hui nhưng không thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú theo quy định tại Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông bà trả lãi theo thỏa thuận giữa các bên là phù hợp. Thực tế, việc tính lại lãi suất chênh lệch không nhiều so với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi lẽ các dây hui đã bắt đầu khai từ năm 2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị Minh T là người đại diện theo ủy quyền của bà H và ông D trình bày bà H và ông D đồng ý trả lãi nhưng yêu cầu được trả sau khi trả vốn xong cho các hui viên, cụ thể: Hiện nay, vẫn còn một số hui viên góp hui nhưng bà H và ông D không nhận mà đợi làm thủ tục khởi kiện tại Tòa án, sau khi hoàn tất thủ tục khởi kiện, bà H và ông D sẽ sử dụng số tiền nhận được để chi trả các khoản nợ cho các hui viên, sau khi hoàn tất việc trả vốn, ông bà sẽ tiếp tục chi trả tiền lãi. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử phúc thẩm, bà H và ông D vẫn chưa tiến hành thủ tục khởi kiện những người nợ hui; hơn nữa, yêu cầu này của bà H và ông D cũng không được phía bà Đ chấp nhận; do đó, không có cơ sở xem xét yêu cầu này của bà H và ông D.

Từ những phân tích trên, xét thấy bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D là chủ thảo các dây hui, việc ngưng hui hoàn toàn là lỗi của bà H và ông D, hơn nữa dù ngưng hui nhưng bà H và ông D vẫn được trả hoa hồng, do đó bà H và ông D có trách nhiệm hoàn trả số tiền hui (có lãi) mà bà Đ được hưởng trong các dây hui mà bà Đ đã tham gia, tương ứng với số phần hui mà bà Đ đã góp.

[2.3] Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên yêu cầu kháng cáo của bà không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các nội dung, quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí phúc thẩm cho bà H.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Từ Thị H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Khoản

2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hui, biêu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ hui là 54.700.000 đồng (năm mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng). Thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H, ông D.

Hoàn lại bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.367.000 đồng theo biên lai thu số 0016540 ngày 02/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Phong**